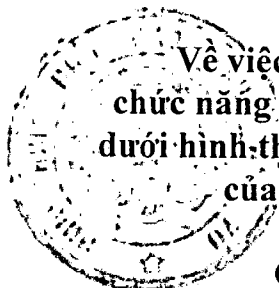


Số: 1307/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 12 tháng 4 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Bình Định dưới hình thức trích “Bản sao y bản chính” theo các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch



**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Bình Định dưới hình thức trích “Bản sao y bản chính” theo các Quyết định số 3637/QĐ-BVHTTDL ngày 26/10/2015; Quyết định số 2826/QĐ-BVHTTDL ngày 12/8/2016; Quyết định số 3086/QĐ-BVHTTDL ngày 05/9/2016; Quyết định số 3186/QĐ-BVHTTDL ngày 12/9/2016; Quyết định số 3574/QĐ-BVHTTDL ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*Phụ lục 1 kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các thủ tục hành chính trong lĩnh vực văn hóa và thể thao đã được công bố tại các Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 28/7/2009; Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 28/7/2009; Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 17/9/2009 của UBND tỉnh và các Quyết định số 676/QĐ-CTUBND ngày 11/4/2012; Quyết định số 1712/QĐ-CTUBND ngày 17/8/2012; Quyết định số 2892/QĐ-CTUBND ngày 18/12/2012; 2266/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh (*Phụ lục 2 kèm theo*).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố;

Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan  
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *th*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Công báo, TT Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, K2, K5, K16. *me*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Châu*



Phụ lục 1

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA VÀ THỂ THAO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Quyết định số **1307** /QĐ-UBND ngày **12** tháng 4 năm 2017  
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

**Phần I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

| STT                                   | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                               | Cơ quan thực hiện<br>(tham mưu)                  |
|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b> |                                                                                                                                                      |                                                  |
| <b>A.</b>                             | <b>VĂN HÓA</b>                                                                                                                                       |                                                  |
| <b>A1.</b>                            | <b>Di sản văn hóa</b>                                                                                                                                |                                                  |
| 1                                     | Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia                                                                                                             | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 2                                     | Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 3                                     | Xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập                                                                        | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 4                                     | Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập                                                                                                      | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao) |
| 5                                     | Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp                                                                                                                     | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao) |
| 6                                     | Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia                                                                                     | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 7                                     | Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích                                                             | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 8                                     | Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật                       | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 9                                     | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật                                                                                          | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 10                                    | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật                                                                                      | Sở Văn hóa và Thể thao                           |

| STT        | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Cơ quan thực hiện<br>(tham mưu)                  |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>A2.</b> | <b>Điện ảnh</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                  |
| 11         | Cấp giấy phép phổ biến phim<br>(- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu;<br>- Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi nằm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:<br>+ Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;<br>+ Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến) | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 12         | Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)                                                                                                                                                                                                                                             | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| <b>A3.</b> | <b>Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Triển lãm</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                  |
| 13         | Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 14         | Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 15         | Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 16         | Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao) |
| 17         | Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 18         | Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao) |
| 19         | Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của UBND tỉnh)                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao) |
| <b>A4.</b> | <b>Nghệ thuật biểu diễn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                  |
| 20         | Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Sở Văn hóa và Thể thao                           |

| STT        | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                      | Cơ quan thực hiện<br>(tham mưu)                           |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 21         | Cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang                 | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao)          |
| 22         | Cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao)          |
| 23         | Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương                                                                     | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao)          |
| 24         | Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương                                | Sở Văn hóa và Thể thao                                    |
| 25         | Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang                                                                               | Sở Văn hóa và Thể thao                                    |
| 26         | Chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu                                                                   | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao)          |
| <b>A5.</b> | <b>Văn hóa cơ sở</b>                                                                                                                        |                                                           |
| 27         | Cấp giấy phép kinh doanh karaoke (do Sở văn hóa và thể thao cấp)                                                                            | Sở Văn hóa và Thể thao                                    |
| 28         | Cấp giấy phép kinh doanh vũ trường                                                                                                          | Sở Văn hóa và Thể thao                                    |
| 29         | Cấp giấy phép tổ chức lễ hội                                                                                                                | Sở Văn hóa và Thể thao                                    |
| 30         | Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”                                     | Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao) |
| 31         | Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn                                                                  | Sở Văn hóa và Thể thao                                    |
| 32         | Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo                                                                                  | Sở Văn hóa và Thể thao                                    |
| 33         | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam                                               | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao)          |
| 34         | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam                              | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao)          |
| 35         | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam                                           | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao)          |
| <b>A6.</b> | <b>Xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không</b>                                                                                                    |                                                           |

| STT        | Tên thủ tục hành chính                                                                                                     | Cơ quan thực hiện<br>(tham mưu)                  |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|            | <b>nhằm mục đích kinh doanh</b>                                                                                            |                                                  |
| 36         | Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch        | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 37         | Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương                          | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| <b>A7.</b> | <b>Nhập khẩu văn hóa phẩm nhằm mục đích kinh doanh</b>                                                                     |                                                  |
| 38         | Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu                              | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 39         | Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu                                                                     | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 40         | Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu                                       | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| <b>A8.</b> | <b>Thư viện</b>                                                                                                            |                                                  |
| 41         | Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 20.0000 bản trở lên                                              | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| <b>A9.</b> | <b>Gia đình</b>                                                                                                            |                                                  |
| 42         | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)            | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao) |
| 43         | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)        | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao) |
| 44         | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)            | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao) |
| 45         | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)     | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao) |
| 46         | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao) |
| 47         | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp           | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao) |

| STT         | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                               | Cơ quan thực hiện<br>(tham mưu)                  |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|             | tỉnh)                                                                                                                                                                |                                                  |
| 48          | Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình                                                                                                  | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 49          | Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình                                                                                                | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 50          | Cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình                                                                                                                 | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 51          | Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình                                                                                                             | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 52          | Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình                                                                                                               | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 53          | Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình                                                                                                           | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| <b>A10.</b> | <b>Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ</b>                                                                                                 |                                                  |
| 54          | Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| <b>B</b>    | <b>THẺ DỤC THỂ THAO</b>                                                                                                                                              |                                                  |
| 55          | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp                                                             | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 56          | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao                                                                                                       | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao) |
| 57          | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động billards & snooker                                      | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 58          | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình                                        | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 59          | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động mô tô nước trên biển                                    | Sở Văn hóa và Thể thao                           |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                   | Cơ quan thực hiện<br>(tham mưu) |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 60  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động võ đạo giải trí             | Sở Văn hóa và Thể thao          |
| 61  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn                    | Sở Văn hóa và Thể thao          |
| 62  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao           | Sở Văn hóa và Thể thao          |
| 63  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động môn võ cổ truyền và vovinam | Sở Văn hóa và Thể thao          |
| 64  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quần vợt                    | Sở Văn hóa và Thể thao          |
| 65  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ             | Sở Văn hóa và Thể thao          |
| 66  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay động cơ | Sở Văn hóa và Thể thao          |
| 67  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động tập luyện quyền anh         | Sở Văn hóa và Thể thao          |
| 68  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo                   | Sở Văn hóa và Thể thao          |
| 69  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao           | Sở Văn hóa và Thể thao          |
| 70  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Karatedo                    | Sở Văn hóa và Thể thao          |

| STT        | Tên thủ tục hành chính                                                                                                          | Cơ quan thực hiện<br>(tham mưu)                  |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 71         | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng        | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 72         | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo               | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 73         | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá            | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 74         | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn           | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 75         | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông           | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 76         | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin              | Sở Văn hóa và Thể thao                           |
| 77         | Đăng cai tổ chức Giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương                               | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao) |
| 78         | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao) |
| 79         | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng                         | Ủy ban nhân dân tỉnh<br>(Sở Văn hóa và Thể thao) |
| <b>II</b>  | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>                                                                                             |                                                  |
| <b>A1.</b> | <b>Văn hóa cơ sở</b>                                                                                                            |                                                  |
| 1          | Cấp giấy phép kinh doanh karaoke<br>(do cơ quan cấp giấy phép kinh doanh cấp huyện cấp)                                         | Cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh cấp huyện       |
| 2          | Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”                     | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện               |
| 3          | Công nhận “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa” và tương đương                                            | Phòng Văn hóa - Thông tin cấp huyện              |
| 4          | Công nhận “Tổ dân phố văn hóa” và tương                                                                                         | Phòng Văn hóa - Thông tin                        |

| STT        | Tên thủ tục hành chính                                                                                                      | Cơ quan thực hiện<br>(tham mưu)     |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|            | đương                                                                                                                       | cấp huyện                           |
| 5          | Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”                                                                      | Phòng Văn hóa - Thông tin cấp huyện |
| 6          | Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”                                                                          | Phòng Văn hóa - Thông tin cấp huyện |
| 7          | Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”                                                              | Phòng Văn hóa-Thông tin cấp huyện   |
| 8          | Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”                                                                  | Phòng Văn hóa-Thông tin cấp huyện   |
| <b>A2.</b> | <b>Thư viện</b>                                                                                                             |                                     |
| 9          | Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản                                      | Phòng Văn hóa-Thông tin cấp huyện   |
| <b>A3.</b> | <b>Gia đình</b>                                                                                                             |                                     |
| 10         | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)            | Ủy ban nhân dân cấp huyện           |
| 11         | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)        | Ủy ban nhân dân cấp huyện           |
| 12         | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)            | Ủy ban nhân dân cấp huyện           |
| 13         | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)     | Ủy ban nhân dân cấp huyện           |
| 14         | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | Ủy ban nhân dân cấp huyện           |
| 15         | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)     | Ủy ban nhân dân cấp huyện           |
| <b>III</b> | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>                                                                                            |                                     |
| <b>A.</b>  | <b>VĂN HÓA</b>                                                                                                              |                                     |
| <b>A1.</b> | <b>Văn hóa cơ sở</b>                                                                                                        |                                     |
| 1          | Công nhận gia đình văn hóa                                                                                                  | Ban Thường trực Ủy ban              |

| STT        | Tên thủ tục hành chính                                                               | Cơ quan thực hiện<br>(tham mưu) |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
|            |                                                                                      | Mặt trận Tổ quốc cấp xã         |
| <b>A2.</b> | <b>Thư viện</b>                                                                      |                                 |
| 2          | Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản | Ủy ban nhân dân cấp xã          |
| <b>B.</b>  | <b>THẺ DỤC THỂ THAO</b>                                                              |                                 |
| 3          | Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở                                                  | Ủy ban nhân dân cấp xã          |

**Phần II**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Nội dung cụ thể từng thủ tục hành chính được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Văn hóa và Thể thao tại địa chỉ: [svhtt.binhdinhh.gov.vn](http://svhtt.binhdinhh.gov.vn)



Phụ lục 2

**MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC  
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ  
THỂ THAO BÌNH ĐỊNH**

*Kèm theo Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2017  
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)*

| STT                                  | Mã số TTHC bãi bỏ       | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>* Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b> |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>I</b>                             | <b>LĨNH VỰC VĂN HÓA</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 1                                    | T-BDI-130003-TT         | Cấp giấy phép phổ biến phim                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 2                                    | T-BDI-130728-TT         | Cấp giấy phép công diễn cho các tổ chức thuộc địa phương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 3                                    | T-BDI-130745-TT         | Cấp giấy phép công diễn cho đơn vị nghệ thuật thành lập và hoạt động theo Nghị định 73/1999/NĐ-CP của Chính phủ; đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 4                                    | T-BDI-130758-TT         | Đăng ký tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp không nhằm mục đích kinh doanh, phục vụ nội bộ trong trường hợp có sự tham gia của đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài, diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, diễn viên là người nước ngoài đang sinh sống tại Việt Nam đã được Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch cho phép vào Việt Nam biểu diễn (Đối với cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, văn hóa, xã hội; chủ địa điểm (khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, cửa hàng ăn uống, giải khát, điểm vui chơi giải trí công cộng). |
| 5                                    | T-BDI-130809-TT         | Đăng ký tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp đối với các tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp tại địa điểm đăng ký hoạt động.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 6                                    | T-BDI-130828-TT         | Giấy phép lưu hành băng, đĩa ca nhạc, sân khấu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 7                                    | T-BDI-043443-TT         | Giấy phép nhập khẩu băng đĩa ca nhạc, sân khấu để phát hành.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

|    |                  |                                                                                                                                                                                                |
|----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8  | T-BDI-130862-TT  | Cấp Giấy phép công diễn cho tổ chức, cá nhân tổ chức trình diễn thời trang.                                                                                                                    |
| 9  | T-BDI-043608-TT  | Cấp giấy phép thực hiện quảng cáo trên bảng, biển, pa-nô đối với hàng hóa, dịch vụ thông thường.                                                                                               |
| 10 | T-BDI-130976-TT  | Giấy phép thực hiện quảng cáo trên bảng rôn, phướn                                                                                                                                             |
| 11 | T-BDI-131006-TT  | Giấy phép thực hiện quảng cáo ngoài trời trên pa nô bằng chân trụ bê tông cốt thép.                                                                                                            |
| 12 | T-BDI-131021-TT  | Gia hạn Giấy phép thực hiện quảng cáo trên bảng, biển, pa-nô, phương tiện giao thông.                                                                                                          |
| 13 | T-BDI-043259-TT; | Giấy phép kinh doanh Karaoke (GPKD Karaoke)                                                                                                                                                    |
| 14 | T-BDI-043173-TT  | Đăng ký hoạt động Thư viện của tổ chức cấp tỉnh.                                                                                                                                               |
| 15 | T-BDI-131878-TT  | Đăng ký hoạt động Thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 20.000 bản trở lên                                                                                                                   |
| 16 | T-BDI-192583-TT  | Cấp Giấy phép triển lãm mỹ thuật tại địa phương do cá nhân, nhóm cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài tổ chức                                                                          |
| 17 | T-BDI-192628-TT  | Cấp Giấy phép triển lãm mỹ thuật tại địa phương, khu vực, do cơ quan trung ương, tổ chức nước ngoài tổ chức mà không thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                      |
| 18 | T-BDI-192629-TT  | Cấp giấy phép đưa tác phẩm mỹ thuật từ địa phương đi triển lãm tại nước ngoài không mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam do các cơ quan, tổ chức, cá nhân tại địa phương thực hiện   |
| 19 | T-BDI-192630-TT  | Cấp phép Triển lãm ảnh tại địa phương do cá nhân, nhóm cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài tổ chức                                                                                    |
| 20 | T-BDI-192632-TT  | Tổ chức triển lãm, thi, liên hoan ảnh, đại hội nhiếp ảnh tại địa phương do cơ quan trung ương, tổ chức nước ngoài tổ chức mà không thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch        |
| 21 | T-BDI-192634-TT  | Cấp giấy phép đưa ảnh từ địa phương đi triển lãm, thi, liên hoan tại nước ngoài không mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam do các cơ quan, tổ chức, cá nhân tại địa phương thực hiện |

|    |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 22 | T-BDI-192635-TT | Hồ Sơ đề nghị thẩm định dự toán phần mỹ thuật tượng đài tranh hoành tráng (đối với dự toán kinh phí dưới 300 triệu đồng)                                                                                                                                                       |
| 23 | T-BDI-192636-TT | Thủ tục cấp giấy phép thể hiện tượng đài tranh hoành tráng (phần mỹ thuật) (đối với công trình có kinh phí dưới 300 triệu đồng).                                                                                                                                               |
| 24 | T-BDI-192638-TT | Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điệu khắc trong nước do tổ chức, cá nhân thuộc địa phương tổ chức tại địa phương                                                                                                                                                           |
| 25 | T-BDI-192639-TT | Tiếp nhận hồ sơ cho phép đơn vị nghệ thuật, diễn viên người nước ngoài vào địa phương biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trên địa bàn                                                                                                                                          |
| 26 | T-BDI-192640-TT | Tiếp nhận hồ sơ cho phép đơn vị nghệ thuật, diễn viên thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp                                                                                                                                                        |
| 27 | T-BDI-192665-TT | Giấy phép nhập khẩu băng đĩa ca nhạc, sân khấu cho các tổ chức, cá nhân ở địa phương để phát hành                                                                                                                                                                              |
| 28 | T-BDI-193326-TT | Cấp phép tổ chức cuộc thi người đẹp tại địa phương                                                                                                                                                                                                                             |
| 29 | T-BDI-192646-TT | Cấp Giấy tiếp nhận biểu diễn nghệ thuật cho các đơn vị nghệ thuật biểu diễn, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp đã được Cục nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố khác cấp giấy phép công diễn đến biểu diễn tại địa phương |
| 30 | T-BDI-192648-TT | Cấp phép sản xuất, phát hành băng, đĩa cho các tổ chức ở địa phương nhằm mục đích kinh doanh                                                                                                                                                                                   |
| 31 | T-BDI-192665-TT | Giấy phép nhập khẩu băng đĩa ca nhạc, sân khấu cho các tổ chức, cá nhân ở địa phương để phát hành                                                                                                                                                                              |
| 32 | T-BDI-193180-TT | Cấp phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh, bảo tàng cấp tỉnh và sở hữu tư nhân.                                                                                                                                           |
| 33 | T-BDI-193204-TT | Cấp phép khai quật khẩn cấp                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 34 | T-BDI-193211-TT | Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.                                                                                                                                                                                                                                      |

|                             |                 |                                                                                                                                                    |
|-----------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 35                          | T-BDI-193245-TT | Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam. |
| 36                          | T-BDI-193261-TT | Cấp chứng chỉ hành nghề đối với chủ cửa hàng mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.                                                             |
| 37                          | T-BDI-193326-TT | Cấp phép tổ chức cuộc thi người đẹp tại địa phương                                                                                                 |
| 38                          | T-BDI-194082-TT | Cấp giấy phép cho các tổ chức, cá nhân tổ chức trình diễn thời trang tại địa phương.                                                               |
| 39                          | T-BDI-193415-TT | Cấp Giấy phép Kinh doanh vũ trường                                                                                                                 |
| 40                          | T-BDI-193378-TT | Cấp giấy phép kinh doanh karaoke                                                                                                                   |
| 41                          | T-BDI-193424-TT | Cấp giấy phép tổ chức Lễ hội                                                                                                                       |
| 42                          | T-BDI-192555-TT | Cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm của cá nhân, tổ chức ở địa phương không nhằm mục đích kinh doanh                                              |
| 43                          | T-BDI-130105-TT | Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia                                                                                                           |
| <b>II LĨNH VỰC THỂ THAO</b> |                 |                                                                                                                                                    |
| 44                          | T-BDI-131900-TT | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.                                          |
| 45                          | T-BDI-131919-TT | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao                                  |
| 46                          | T-BDI-224801-TT | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động billards & snooker                    |
| 47                          | T-BDI-224806-TT | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình                      |
| 48                          | T-BDI-224821-TT | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động mô tô nước trên biển                  |
| 49                          | T-BDI-224854-TT | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động võ đạo giải trí                       |
| 50                          | T-BDI-224867-TT | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn                              |

|    |                 |                                                                                                                                           |
|----|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 51 | T-BDI-224884-TT | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao            |
| 52 | T-BDI-224902-TT | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động môn võ cổ truyền và vovinam  |
| 53 | T-BDI-224906-TT | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quần vợt                     |
| 54 | T-BDI-224916-TT | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ              |
| 55 | T-BDI-224929-TT | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay động cơ. |
| 56 | T-BDI-224931-TT | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quyền anh                    |
| 57 | T-BDI-224933-TT | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo                    |
| 58 | T-BDI-242940-TT | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân, Sư, Rồng        |
| 59 | T-BDI-242962-TT | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo.                |
| 60 | T-BDI-242965-TT | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động bóng đá.             |
| 61 | T-BDI-242968-TT | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của danh nghiệp hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn                                 |
| 62 | T-BDI-242970-TT | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của danh nghiệp hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông                                 |

|                                       |                          |                                                                                                         |
|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 63                                    | T-BDI-242972-TT          | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của danh nghiệp hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin. |
| <b>* Thủ tục hành chính cấp huyện</b> |                          |                                                                                                         |
| 1                                     | T-BDI-151696-TT          | Cấp giấy phép kinh doanh karaoke                                                                        |
| 2                                     | T-BDI-151727-TT          | Cấp đổi giấy phép kinh doanh karaoke                                                                    |
| 3                                     | T-BDI-209145-TT          | Cấp giấy Công nhận Danh hiệu “Làng văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Khu phố văn hóa”                          |
| 4                                     | T-BDI-209160-TT          | Cấp giấy Công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”                                                 |
| <b>* Thủ tục hành chính cấp xã</b>    |                          |                                                                                                         |
| <b>I</b>                              | <b>Lĩnh vực văn hóa</b>  |                                                                                                         |
| 1                                     | T-BDI-151752-TT          | Xác nhận đơn đề nghị cấp/đổi giấy phép kinh doanh karaoke.                                              |
| 2                                     | T-BDI-151831-TT          | Xác nhận hộ liên kết đối với kinh doanh karaoke                                                         |
| 3                                     | T-BDI-151868-TT          | Tổ chức lễ hội dân gian không phải xin giấy phép                                                        |
| 4                                     | T-BDI-151877-TT          | Tổ chức biểu diễn nghệ thuật                                                                            |
| 5                                     | T-BDI-209168-TT          | Cấp giấy Công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hóa”                                                         |
| <b>II</b>                             | <b>Lĩnh vực thể thao</b> |                                                                                                         |
| 1                                     | T-BDI-152003-TT          | Thành lập câu lạc bộ thể dục thể thao                                                                   |